

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 02 - 2025.

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Oanh và Ông Lê Quang Thế.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Luật - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Ông An Bình Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, về việc “*Xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST ngày 05/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Ngọc H**, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký HKTT, trú tại: xóm C, thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên, (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Chị **Dương Thị P**, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: xóm C, thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Hiện ở tại: Thôn D, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

(*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Ngọc H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Dương Thị P trên cơ sở cả hai bên đều tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/6/2021. Sau khi kết hôn, chị P chuyển khẩu về chung sống cùng anh tại xóm C, thôn T, xã B, huyện K. Anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai bên gia đình đã động viên khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh, chị đã ly thân từ tháng 9/2024, đến nay không ai quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Anh và chị P không có con chung, ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp với 2 bên gia đình nội, ngoại: Anh H xác định anh và chị P không có gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn chị Dương Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Ngọc H là tự nguyện, thời điểm đăng ký kết hôn như anh H trình bày. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và anh H là do anh H không tập trung làm ăn, không đưa tiền cho vợ để chi tiêu sinh hoạt gia đình, để một mình chị gánh vác kinh tế. Chị là người chuyển tiền cho anh H trong sinh hoạt hàng ngày. Anh H thường xuyên kiểm soát thời gian, công việc cũng như cuộc sống của chị, lấy điện thoại của chị kiểm tra các tin nhắn, cuộc gọi, không những vậy anh còn chửi bới, đánh đập và xúc phạm chị. Điểm ngày 07/3/2024 anh H đánh đập gây thương tích cho chị và đã bị Công an huyện K xử phạt hành chính. Giữa chị và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2024, không quan tâm đến ai. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng là có, mỗi người mỗi nơi, chị sống và làm việc tại thành phố H, anh H sống tại huyện K. Nhưng chị không đồng ý ly hôn anh H, bởi đơn khởi kiện ly hôn anh H viết không có căn cứ, anh H là người vi phạm, chị không vi phạm, chị yêu cầu anh H bồi thường thiệt hại về việc anh H gây thương tích cho chị ngày 07/3/2024, yêu cầu giải quyết xong đơn tố giác của chị tại cơ quan điều tra, viện kiểm sát đang thụ lý.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung, hiện nay chị không mang thai nên khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh H có tài sản chung là ti vi, tủ lạnh, giường, xe đạp, nhưng chị không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên khi chung sống thì 2 bên có thỏa thuận miệng, tài sản ai sắm là của người ấy, anh H có mua ti vi tại cửa hàng H1 ở V với giá 15.000.000 đồng và anh H có yêu cầu chị chuyển khoản cho cửa hàng ti vi Huy L số tiền 5.000.000đ, chị đã trực tiếp chuyển số tiền 5.000.000đ cho cửa hàng. Nay chị yêu cầu anh H phải trả lại cho chị số tiền này.

Về công nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp với 2 bên gia đình nội ngoại: Chị P xác định chị và anh H không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:* Anh Lê Ngọc H và chị Dương Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K vào ngày 08/6/2021. Quá trình chung sống, anh H và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hiện nay anh chị đã sống ly thân. Chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhưng anh H kiên quyết xin ly hôn, chị P không nhất trí ly hôn. Anh H và chị P không có con chung, địa phương đã có báo cáo gửi kèm hồ sơ vụ án. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Lê Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Dương Thị P giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án buộc anh H trả lại số tiền 5.000.000đ mà chị đã chuyển khoản cho cửa hàng H1 ở V khi anh H mua ti vi.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan. Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa không thuộc trường hợp phải thay đổi theo yêu cầu của bị đơn do bị đơn không đưa ra được căn cứ thay đổi, trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 BLDS. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh H được ly hôn chị P.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Buộc anh H trả cho chị P 5.000.000đ tiền chị P chuyển khoản cho cửa hàng H1 để mua ti vi. Các vấn đề khác không phải giải quyết.

Về công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, bị đơn chị Dương Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị P, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, HĐXX cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc H và chị Dương Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được UBND xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 08/6/2021. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa

hợp, hay đánh nhau, cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ 9/2024 đến nay, không quan tâm gì đến nhau, anh H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Chị P xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh H xúc phạm chị nhiều lần từ công việc, cuộc sống lẫn sức khỏe của chị. Anh H có hành động nhiều lần dùng vũ lực, đánh đập chị đã bị cơ quan Công an huyện K xử phạt hành chính ngày 23/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện K xử phạt hành chính ngày 16/01/2025. Anh H làm đơn xin ly hôn chị không có căn cứ, chị không nhất trí ly hôn.

Qua các tài liệu, chứng cứ, lời khai của chị P tại phiên tòa, xác định được tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị P đã không còn, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự đã trầm trọng, quan hệ vợ chồng trên thực tế không còn, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt, anh H đã nhiều lần dùng vũ lực, đánh đập chị đã bị xử phạt hành chính. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện cho anh H được ly hôn chị P.
Về con chung: Anh Lê Ngọc H và chị Dương Thị P đều xác nhận anh, chị không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Lê Ngọc H xác định không có tài sản chung, không yêu cầu; chị Dương Thị P xác định có tài sản chung là ti vi, tủ lạnh, giường, xe đạp, nhưng chị không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng có thỏa thuận miệng tài sản do ai mua sắm là của người ấy. Chị P yêu cầu Tòa án buộc anh H trả lại cho chị số tiền 5.000.000đ khi anh H mua ti vi ở cửa hàng H1 tại V, giá mua ti vi là 15.000.000đ, thực tế chị đã chuyển số tiền 5.000.000đ cho cửa hàng (Có sao kê chi tiết giao dịch ngày 10/12/2022). Anh H thừa nhận có việc anh yêu cầu chị P chuyển số tiền 5.000.000đ cho cửa hàng ti vi, hiện nay ti vi anh đang sử dụng, trường hợp chị P cần ti vi thì có thể chuyển cho anh 5.000.000đ, chị P mang ti vi về sử dụng, nếu không đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết, anh đồng ý trả chị P số tiền 5.000.000đ. Xét đây là yêu cầu thực tế, thời điểm phát sinh giao dịch trong thời kỳ hôn nhân, anh H thừa nhận có việc chị P chuyển tiền qua cửa hàng H1 để anh H mua ti vi nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P.

Về công nợ, đất nông nghiệp; công sức đóng góp với 2 bên gia đình nội ngoại của hai vợ chồng: Anh Lê Ngọc H và chị Dương Thị P không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Các Điều 51; 56; 38; 40 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Ngọc H được ly hôn chị Dương Thị P.

Về con chung: Không có, không xem xét.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị P, buộc anh H trả lại cho chị P số tiền đã chuyển khoản mua tivi là 5.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về công nợ, đất nông nghiệp; công sức đóng góp với 2 bên gia đình nội ngoại của hai vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Ngọc H phải 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002292 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, anh H đã nộp xong tiền án phí ly hôn.

Chị Dương Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung khi ly hôn. Đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002395 ngày 06/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- UBND xã Bình Minh;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Cường